

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN
TỈNH LẠNG SƠN

Bản án số: 19/2023/HS-ST
Ngày 22-02-2023

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Ninh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Nhật Chiến;

Bà Phạm Thị Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Ngọc Dung, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thanh Thủy, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 03/2023/HSST ngày 10 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2023/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn đối với các bị cáo:

1. Bị cáo Trương Thành T, tên gọi khác: Không có; sinh ngày 05 tháng 01 năm 1985 tại huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn L, xã L, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông T và bà Hoàng Thị C; vợ: Lê Thị L, con: Có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2010, con nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa lần nào bị kết án, bị xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/10/2022 đến nay; có mặt.

2. Bị cáo Lê Đức C, tên gọi khác: Không có; sinh ngày 19 tháng 8 năm 1995 tại huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn *, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đức K và bà Lê Thị N; vợ: Nguyễn Thị H, con: Có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2018, con nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa lần nào bị kết án, bị xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/10/2022 đến nay; có mặt.

3. Bị cáo Ma Quốc H, tên gọi khác: Không có; sinh ngày 03 tháng 8 năm 1992 tại huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Số *, khu *, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ma Quốc S (đã chết) và bà Trần Thị H; vợ: La Thị Mỹ L, con: Có 01 con sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa lần nào bị kết án, bị xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/10/2022 đến ngày 09/01/2023 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh; có mặt.

4. Bị cáo Lê Xuân K, tên gọi khác: Không có; sinh ngày 05 tháng 7 năm 1986 tại huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn Q, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Xuân V và bà Lương Thị Đ; vợ: Đỗ Thị N, con: Có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2015, con nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa lần nào bị kết án, bị xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/10/2022 đến nay; có mặt.

5. Bị cáo Ngô Ngọc Đ, tên gọi khác: Không có; sinh ngày 27 tháng 11 năm 1980 tại huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn C, xã L, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Ngọc C (đã chết) và bà Vũ Thế V; vợ: Thịnh Thị L, con: Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2003, con nhỏ nhất sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa lần nào bị kết án, bị xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/10/2022 đến ngày 19/01/2023 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh; có mặt.

6. Bị cáo Nguyễn Văn P, tên gọi khác: Không có; sinh ngày 15 tháng 8 năm 1984 tại huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn H, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Q (đều đã chết); vợ: Lê Thị H, con: Có 01 con, sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa lần nào bị kết án, bị xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/10/2022 đến nay; có mặt.

7. Bị cáo Đàm Văn H, tên gọi khác: Không có; sinh ngày 02 tháng 5 năm 1986 tại huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn *, xã X, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đàm Văn S và bà Lê Thị L; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa lần nào bị kết án, bị xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/10/2022 đến nay; có mặt.

8. Bị cáo Nguyễn Tiến D, tên gọi khác: Không có; sinh ngày 26 tháng 3 năm 1986 tại thị xã B, tỉnh Thanh Hóa; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu *, đường B, phường B, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa. Chỗ ở: Số *, đường H, Khu *, phường

B, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B và bà Mai Thị P; vợ: Mai Thị T, con: Có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa lần nào bị kết án, bị xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/11/2022 đến nay; có mặt.

9. Bị cáo Phạm Văn M, tên gọi khác: Không có; sinh ngày 10 tháng 5 năm 1985 tại huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã L, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn N và bà Nguyễn Thị L (đã chết); vợ: Nguyễn Thị A, con: Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa lần nào bị kết án, bị xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/11/2022 đến ngày 19/01/2023 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh; có mặt.

Người chứng kiến: Ông Nguyễn Trọng Đ; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 21 giờ 00 phút ngày 30/10/2022, tổ công tác Công an thành phố Lạng Sơn làm nhiệm vụ tại khu vực cây xăng T, thuộc thôn H, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn phát hiện bắt quả tang Trương Thành T, Lê Đức C, Ma Quốc H, Lê Xuân K, Ngô Ngọc Đ, Nguyễn Văn P, Đàm Văn H, Nguyễn Tiến D và Phạm Văn M đang có hành vi đánh bạc bằng hình thức “xóc đĩa” được thua bằng tiền tại quán bán hàng bỏ hoang không có chủ sở hữu cạnh cây xăng T. Trong khi Công an thành phố đang lập biên bản thì các đối tượng: Đàm Văn H, Nguyễn Tiến D và Phạm Văn M bỏ trốn. Thu giữ trên chiếu bạc tổng số tiền 6.435.000 đồng; 01 bát sứ màu trắng; 01 đĩa sứ màu trắng; 04 quân vị hình tròn và thu trên người Lê Xuân K số tiền 750.000 đồng.

Ngày 31/10/2022, Cơ quan điều tra thi hành bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Đàm Văn H. Ngày 01/11/2022 Nguyễn Tiến D ra đầu thú và ngày 02/11/2022 Phạm Văn M ra Công an thành phố Lạng Sơn đầu thú.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo khai nhận: Ngày 30/10/2022, Trương Thành T, Lê Đức C, Lê Xuân K, Ngô Ngọc Đ, Nguyễn Văn P, Đàm Văn H, Nguyễn Tiến D, Phạm Văn M cùng là lái xe đường dài của Công ty Đ (có trụ sở tại tỉnh Thanh Hóa) đến khu vực thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn để nhận hàng và dừng nghỉ tại khu vực cây xăng T, thuộc thôn H, xã H, thành phố L. Đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, sau khi ăn cơm uống rượu thì cả nhóm cùng rủ nhau đánh bạc bằng hình thức “xóc đĩa” tại khu vực quán ăn cũ sát cây xăng T, sau đó Trương Thành T đi lấy bát đĩa và bộ bài tú lơ khơ có sẵn tại quán cắt thành 04 quân vị rồi trực tiếp cầm cái xóc để mọi người tham gia đặt cược. Ma Quốc H là nhân viên bán xăng thấy cả nhóm đang đánh bạc thì cùng vào đánh,

đến khoảng 21 giờ 30 phút thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang như đã nêu trên.

Cách thức đánh bạc bằng hình thức “xóc đĩa” của các đối tượng như sau: Trương Thành T là người cầm cái, dùng một chiếc bát úp trên một chiếc đĩa, bên trong có 04 quân vị hình tròn, mỗi quân vị có hai mặt khác nhau (gồm một mặt hoa văn màu xanh – vàng, một mặt hoa văn màu đen – trắng). Sau đó Trương Thành T cầm bát và đĩa xóc để các quân vị đảo lộn lên, những người tham gia đánh bạc sẽ đặt cược tiền theo một trong hai bên là chẵn (gồm có hai hoặc bốn quân vị cùng màu) hoặc lẻ (chỉ có ba quân vị cùng một màu). Sau khi mọi người đặt cược, Trương Thành T sẽ mở bát ra để xem các mặt của quân vị có tổng là chẵn hoặc lẻ, nếu mặt của các quân vị giống nhau có tổng số là chẵn thì Trung sẽ trả tiền bằng với số tiền người đặt cửa chẵn và lấy tiền của bên cửa lẻ. Ngược lại, nếu các mặt quân vị hiện ra có tổng số là lẻ thì Trương Thành T sẽ được lấy tiền của bên chẵn và phải trả số tiền tương ứng cho những người đặt ở cửa lẻ, quy ước số tiền đặt cược tối thiểu từ 10.000 đồng trở lên, tùy thuộc từng người tham gia, không quy định cụ thể. Quá trình đánh bạc các bị can không phải nộp tiền hồ cho ai.

Quá trình điều tra đã làm rõ:

Trương Thành T sử dụng số tiền khoảng 1.860.000 đồng để đánh bạc. Trong đó 1.000.000 đồng Trương Thành T vay của Ma Quốc H. Khi bị bắt Trương Thành T thua 1.800.000 đồng.

Đàm Văn H mang theo số tiền 1.600.000 đồng và sử dụng để đánh bạc. Khi thấy lực lượng Công an kiểm tra Đàm Văn H bỏ chạy khỏi chiếu bạc và vớt lại toàn bộ số tiền đang đánh trên bàn nên chưa rõ thắng thua.

Nguyễn Tiến D sử dụng 1.100.000đ để đánh bạc. Khi thấy lực lượng Công an kiểm tra Nguyễn Tiến D bỏ trốn và đang thua khoảng 300.000 đồng.

Ma Quốc H sử dụng số tiền 1.000.000 đồng để đánh bạc. Trong đó có 500.000 đồng của Hưng và 500.000 đồng trong khi đánh bạc Nguyễn Văn P đã vay của Lê Đức C để trả cho Ma Quốc H. Khi bị bắt Ma Quốc H đang thắng khoảng 1.100.000 đồng.

Nguyễn Văn P sử dụng số tiền 500.000 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt, Nguyễn Văn P thua số tiền 300.000 đồng. Quá trình đánh bạc, Nguyễn Văn P đã vay của Lê Đức C 500.000 đồng để trả cho Ma Quốc H.

Lê Xuân K sử dụng 50.000 đồng để đánh bạc và thua hết, thu giữ trên người Lê Xuân K 750.000 đồng mục đích để đánh bạc.

Ngô Ngọc Đ mang theo số tiền 50.000 đồng và sử dụng để đánh bạc. Khi bị bắt, Ngô Ngọc Đ đang thắng 100.000 đồng.

Lê Đức C sử dụng 50.000 đồng để đánh bạc và bị thua hết. Trong quá trình đánh bạc Lê Đức C cho Nguyễn Văn P vay 500.000 đồng để Nguyễn Văn P trả cho Ma Quốc H tiền vay trước khi đánh bạc.

Phạm Văn M mang theo số tiền 50.000 đồng và sử dụng để đánh bạc. Khi thấy lực lượng Công an kiểm tra Phạm Văn M bỏ chạy và thua khoảng 50.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 12/CT-VKS, ngày 09/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố các bị cáo Trương Thành T, Lê Đức C, Ma Quốc H, Lê Xuân K, Ngô Ngọc Đ, Nguyễn Văn P, Đàm Văn H, Nguyễn Tiến D, Phạm Văn M về tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo giữ nguyên lời khai đã trình bày tại Cơ quan Điều tra, thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng truy tố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn luận tội: Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung cáo trạng đã nêu. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Trương Thành T, Lê Đức C, Ma Quốc H, Lê Xuân K, Ngô Ngọc Đ, Nguyễn Văn P, Đàm Văn H, Nguyễn Tiến D, Phạm Văn M phạm tội Đánh bạc.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 38; Điều 47; Điều 50; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trương Thành T. Đề nghị xử phạt bị cáo Trương Thành T từ 09 đến 10 tháng tù.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 47; Điều 50; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Lê Xuân K, Đàm Văn H, Ma Quốc H, Nguyễn Văn P, Nguyễn Tiến D; áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn P, Nguyễn Tiến D. Đề nghị xử phạt bị cáo Đàm Văn H từ 08 - 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; các bị cáo Ma Quốc H, Lê Xuân K, Nguyễn Tiến D từ 07 - 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; bị cáo Nguyễn Văn P từ 06 - 07 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Án định thời gian thử thách đối với các bị cáo theo quy định pháp luật.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 36; Điều 47; Điều 50; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự; Điều 326; Điều 328 của Bộ luật Tố tụng hình sự đối với các bị cáo Lê Đức C, Ngô Ngọc Đ, Phạm Văn M; áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Ngô Ngọc Đ, Phạm Văn M. Đề nghị xử phạt mỗi bị cáo từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng có giá trị, phạm tội ít nghiêm trọng nên thấy không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 bát sứ hình tròn màu trắng, 01 đĩa sứ màu trắng, 04 quân vị hình tròn. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 6.435.000 đồng thu trên chiếu bạc và số tiền 750.000 đồng thu của bị cáo Lê Xuân K do bị cáo chuẩn bị để mục đích đánh bạc.

Án phí: Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận. Trong lời nói sau cùng, các bị cáo trình bày biết hành vi đánh bạc đã thực hiện là vi phạm pháp luật, các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để sớm được trở về với gia đình, xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng, việc thu thập tài liệu, chứng cứ của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện, các tài liệu chứng cứ đã thu thập đều hợp pháp. Người chứng kiến vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản sự việc, biên bản khám xét, vật chứng thu giữ, lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, do đó có đủ căn cứ xác định: Ngày 30/10/2022, tại khu vực quán ăn cũ sát cây xăng T, thuộc thôn H, xã H, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, Tổ công tác Công an thành phố Lạng Sơn phát hiện bắt quả tang Trương Thành T, Lê Đức C, Ma Quốc H, Lê Xuân K, Ngô Ngọc Đ, Nguyễn Văn P, Đàm Văn H, Nguyễn Tiến Dũng, Phạm Văn M có hành vi đánh bạc dưới hình thức “xóc đĩa”, thu giữ tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 7.185.000 đồng, trong đó thu trên chiếu bạc là 6.435.000 đồng, thu giữ trên người bị cáo Lê Xuân K số tiền 750.000 đồng mục đích sử dụng để đánh bạc. Với hành vi trên, việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Trương Thành T, Lê Đức C, Ma Quốc H, Lê Xuân K, Ngô Ngọc Đ, Nguyễn Văn P, Đàm Văn H, Nguyễn Tiến D, Phạm Văn M phạm tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và biết rõ hành vi đánh bạc dưới hình thức “xóc đĩa” là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nhằm kiếm lợi bất chính. Xét tính chất vụ án, mức độ phạm tội của các bị cáo ít nghiêm trọng; có tính chất đồng phạm nhưng giản đơn, các bị cáo đều là người thực hành, trong đó bị cáo Trương Thành T là người chuẩn bị bát đĩa, cất quân vị để cả nhóm cùng đánh bạc, cầm cái khi đánh bạc nên xét thấy vai trò của bị cáo Trương Thành T cao hơn các bị cáo khác trong vụ án, các bị cáo Trương Thành T, Đàm Văn H, Ma Quốc H, Nguyễn Tiến D, sử dụng số tiền tương đối lớn (hơn 1.000.000 đồng) để đánh bạc; các bị cáo Ngô Ngọc Đ, Nguyễn Văn P, Phạm Văn M tham gia đánh bạc nhưng sử dụng số tiền nhỏ 50.000 đồng; bị cáo Lê Xuân K sử dụng 50.000 đồng để đánh bạc nhưng chuẩn bị số tiền khá lớn 750.000 đồng mục đích để đánh bạc, do đó Hội đồng xét xử đánh giá vai trò của từng bị cáo để quyết định hình phạt phù hợp tương xứng với vai trò, mức độ từng bị cáo gây ra.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều có 02 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, gồm: Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng (điểm i), thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải (điểm s). Các bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, gồm: Nguyễn Tiến D và Phạm Văn M đầu thú; Ngô Ngọc Đ là người hiện đang thờ cúng liệt sỹ Ngô Quang V (chú ruột) và có bố là ông Ngô Ngọc C được tặng thưởng 02 Huân chương chiến sỹ vẻ vang, bị cáo là nạn nhân bị nhiễm chất độc Da cam từ bố đẻ ông Ngô Ngọc C là thương binh hạng $\frac{3}{4}$; Trương Thành T có mẹ đẻ là bà Hoàng Thị C được tặng thưởng Huy chương kháng chiến Hạng nhì; Nguyễn Văn P thuộc hộ gia đình bị ảnh hưởng chất độc màu da cam do chiến tranh để lại (bố đẻ là ông Nguyễn Văn H bị nhiễm chất độc màu da cam và được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất).

[6] Về nhân thân: Các bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Bị cáo Trương Thành T gia đình thuộc hộ cận nghèo. Bị cáo Lê Đức C có hoàn cảnh gia đình khó khăn, vợ thường xuyên ốm đau, mẹ đẻ bị ung thư có đơn xác nhận của chính quyền địa phương. Bị cáo Nguyễn Tiến D gia đình có công với cách mạng, có bác ruột Nguyễn Văn Đ là thương binh hạng A (4/4), bị nhiễm chất độc màu da cam có đơn xác nhận của chính quyền địa phương.

[7] Từ những nhận định trên thấy, các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, có nơi cư trú rõ ràng. Các bị cáo Ma Quốc H, Lê Xuân K, Nguyễn Văn P, Đàm Văn H, Nguyễn Tiến D có đủ điều kiện cho hưởng án treo theo quy định của pháp luật, nên không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội. Các bị cáo Lê Đức C, Ngô Ngọc Đ, Phạm Văn M xét thấy tính chất, mức độ của tội phạm được thực hiện thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đồng phạm có vai trò không đáng kể trong vụ án, nên không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, có thể xử phạt cải tạo không giam giữ. Bị cáo Trương Thành T có vai trò, mức độ phạm tội cao nhất trong vụ án, nên cần thiết xử phạt cách ly khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đảm bảo cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội và đáp ứng công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

[8] Về hình phạt bổ sung: Theo kết quả xác minh của Cơ quan điều tra, các bị cáo đều không có tài sản riêng có giá trị, nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[9] Về vật chứng: Số tiền các bị cáo đánh bạc trong ngày 30/10/2022 thu trên chiếu bạc 6.435.000 đồng và số tiền 750.000 đồng thu của bị cáo Lê Xuân K sử dụng vào mục đích đánh bạc, tịch thu sung ngân sách Nhà nước. 01 bát sứ hình tròn màu trắng, 01 đĩa sứ màu trắng, 04 quân vị là công cụ phạm tội, tịch thu tiêu hủy.

[10] Quá trình điều tra, Ma Quốc H khai nhận cho Trương Thành T vay số tiền 1.000.000 đồng, cho Nguyễn Tiến D vay 800.000 đồng và cho Nguyễn Văn

P vay 500.000 đồng nhưng Ma Quốc H không biết mục đích của Trương Thành T, Nguyễn Văn P và Nguyễn Tiến D vay tiền; Lê Đức C cho Nguyễn Văn P vay 500.000 đồng để Nguyễn Văn P trả cho Ma Quốc H. Xác định đây là các giao dịch thỏa thuận dân sự, không liên quan đến vụ án.

[11] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Lạng Sơn về tội danh, mức hình phạt đối với các bị cáo, xử lý vật chứng và các nội dung khác là có căn cứ, phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[12] Về án phí: Các bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[13] Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 38; Điều 47; Điều 50; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trương Thành T.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 47; Điều 50; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Lê Xuân K, Đàm Văn H, Ma Quốc H, Nguyễn Văn P, Nguyễn Tiến D; áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn P, Nguyễn Tiến D.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 36; Điều 47; Điều 50; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự; Điều 326; Điều 328 của Bộ luật Tố tụng hình sự đối với bị cáo Lê Đức C, Ngô Ngọc Đ, Phạm Văn M; áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Ngô Ngọc Đ, Phạm Văn M.

Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 về án treo.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi bổ sung một số điều Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 về án treo.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Trương Thành T, Lê Đức C, Ma Quốc H, Lê Xuân K, Ngô Ngọc Đ, Nguyễn Văn P, Đàm Văn H, Nguyễn Tiến D, Phạm Văn M phạm tội Đánh bạc.

2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Trương Thành T 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày tạm giữ tạm giam (30/10/2022).

- Xử phạt bị cáo Đàm Văn H 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 (mười sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (22/02/2023). Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện N, tỉnh Thanh Hóa giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Đàm Văn H hiện đang bị tạm giam, nếu bị cáo Đàm Văn H không bị tạm giam về một tội phạm khác.

- Xử phạt bị cáo Ma Quốc H 07 (bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (22/02/2023). Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến D 07 (bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (22/02/2023). Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường B, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Nguyễn Tiến D hiện đang bị tạm giam, nếu bị cáo Nguyễn Tiến D không bị tạm giam về một tội phạm khác.

- Xử phạt bị cáo Lê Xuân K 07 (bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (22/02/2023). Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Lê Xuân K hiện đang bị tạm giam, nếu bị cáo Lê Xuân K không bị tạm giam về một tội phạm khác.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (22/02/2023). Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Nguyễn Văn P hiện đang bị tạm giam, nếu bị cáo Nguyễn Văn P không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Gia đình các bị cáo bị phạt tù cho hưởng án treo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi bị cáo cư trú trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã tuyên cho người được hưởng án treo.

- Xử phạt bị cáo Lê Đức C 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/10/2022 đến 22/02/2023 bằng 348 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 03 (ba) tháng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày cơ quan tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Trả tự do ngay tại phiên toà cho bị cáo Lê Đức C hiện đang bị tạm giam, nếu bị cáo Lê Đức C không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Giao bị cáo Lê Đức C cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa giám sát và giáo dục trong thời gian bị cáo chấp hành hình phạt.

- Xử phạt bị cáo Ngô Ngọc Đ 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/10/2022 đến 19/01/2023 bằng 246 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 06 (sáu) tháng 24 (hai mươi tư) ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày cơ quan tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Ngô Ngọc Đ cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện H, tỉnh Thanh Hóa giám sát và giáo dục trong thời gian bị cáo chấp hành hình phạt.

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn M 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/11/2022 đến 19/01/2023 bằng 237 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 07 (bảy) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày cơ quan tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Phạm Văn M cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện H, tỉnh Thanh Hóa giám sát và giáo dục trong thời gian bị cáo chấp hành hình phạt.

Gia đình các bị cáo bị xử phạt cải tạo không giam giữ có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo. Trường hợp người bị kết án hình phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

3. Về xử lý vật chứng:

3.1. Tịch thu tiêu hủy: 01 bát sứ hình tròn màu trắng, miệng bát hình tròn; đường kính 11cm; 01 đĩa sứ màu trắng, hình tròn, miệng đĩa có đường kính 15,5cm; 04 quân vị được cất từ bộ bài tứ lơ khơ hình tròn có đường kính 02cm có hai mặt, một mặt hoa văn có màu xanh- vàng, một mặt hoa văn có màu đen trắng.

3.2. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: Số tiền 6.435.000 đồng thu trên chiếu bạc và số tiền 750.000 đồng thu của bị cáo Lê Xuân K.

(Vật chứng hiện đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/01/2023 giữa Công an thành phố Lạng Sơn và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn và Giấy nộp tiền vào tài khoản số 39490105441100000 ngày 12/01/2023).

4. Về án phí: Buộc các bị cáo Trương Thành T, Lê Đức C, Ma Quốc H, Lê Xuân K, Ngô Ngọc Đ, Nguyễn Văn P, Đàm Văn H, Nguyễn Tiến D, Phạm Văn M mỗi người phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm, để nộp ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND TP. Lạng Sơn, T. Lạng Sơn;
- Công an TP. Lạng Sơn, T. Lạng Sơn;
- CCTHADS TP. Lạng Sơn, T. Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hải Ninh